

PHỤ LỤC 02

BẢNG TỔNG HỢP CÁC THỪA ĐẤT CÓ TRONG HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTH ngày/ /2025 của Chánh thanh tra huyện)

STT	Địa chỉ	Tổng số thửa	Tổng số hợp đồng	Tổng diện tích (M2)	Tổng số Tờ bản đồ	Tổng Số tiền	không có số tiền	không có diện tích	không có số thửa	không có số tờ bản đồ
I	Năm 2021-2023	102	281	81.612	5	19.754.000	61	97	187	205
1	Thôn Tiên Đào (xóm 2, 3, 4)	0	33	14.320	0	5.040.000	0	0	33	33
2	Thôn Phú Lễ 2 (tổ 1, 2, 4, xóm mới, ven mương, Gò ngựa)	102	191	62.037	5	9.675.000	46	47	97	115
3	Thôn Tây Thuận	0	53	3.312	0	3.639.000	15	50	53	53
4	Thôn Phú Lộc	0	4	1.943	0	1.400.000	0	0	4	4
II	Năm 2022-2024	51	167	169.596	0	132.745.000	36	45	126	131
1	Thôn Tiên Đào	11	13	13.763	0	15.400.000	1	1	2	2
2	Thôn Đông Thuận	0	32	0	0	0	32	32	32	32
3	Xứ Đồng Trảng	0	36	42.265	0	44.100.000	0	0	36	36
4	Thôn Phú Lễ 2 (Đồng Gieo)	24	28	33.052	0	23.620.000	0	0	10	10
5	Xứ đồng Mã Tú	11	9	16.050	0	2.610.000	0	0	2	2
6	Xứ Đồng Chòi Sơn	5	11	35.500	0	29.500.000	3	4	6	11
7	Xứ Đồng Cây Găng	0	38	28.966	0	17.515.000	0	8	38	38
III	Năm 2023-2025	360	245	288.069	27	36.050.110	0	0	48	40
1	Thôn Tiên Đào (xóm 2, 3, 4)	26	19	25.150	4	5.590.000	0	0	2	2
2	Thôn Phú Lễ 2 (tổ 1, 2, 4, xóm mới, ven mương, Gò ngựa, ruộng khầu)	224	170	205.327	16	17.365.110	0	0	45	31
3	Thôn Tây Thuận	103	50	53.901	5	8.945.000	0	0	1	7
4	Thôn Phú Lộc	7	6	3.691	2	4.150.000	0	0	0	0
Tổng cộng		513	693	539.277	32	188.549.110	97	142	361	376